TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **442**/2017QĐST - HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 06 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **495**/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2017 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Ngọc A, sinh năm 1994

Trú tại: Xóm A, xã Đ, thành phố T

Căn cứ vào Điều 146,147,212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2, Điều 357, Khoản 2, Điều 468 Bộ Luật dân sự,

Căn cứ vào Điều 51,55,81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hôi 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **29/8/2017.**

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn B và chị Đỗ Thị Ngọc A.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Đỗ Thị Ngọc A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Đỗ Thị Ngọc A nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Kim N, sinh ngày 25/11/2014 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi,

hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh B được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000^{đ}/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B, chị A xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh B tự nguyện nộp150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005390 ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự , thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Cam Giá
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hà